

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN TRUNG TRỰC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN TRUNG TRỰC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Ngô Thị Kim Hương	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Thanh	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Trương Thị Kim Oanh	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
5	Lê Cảnh Giang	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
6	La Nhật Kim Hoàng	Bí thư đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Hương Trà	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
8	Nguyễn Thái Hoàng	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
9	Nguyễn Tôn Kính	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
10	Lê Thị Thanh Quyền	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
11	Lê Thị Mộng Lành	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	

12	Trần Thị Hà	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
13	Lê Thị Sông Hương	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
14	Nguyễn Hữu Thành	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
15	Nguyễn Quốc Khánh	Tổng phụ trách	Ủy viên Hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Lớp học	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	27
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	30
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	32
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	34
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	35
Mở đầu	35
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	35

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	37
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	39
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	41
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	42
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	43
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	45
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính – quản trị	46
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	48
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	50
Tiêu chí 3.6: Thư viện	51
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	53
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	54
Mở đầu	54
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	54
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	56
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	58
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	59
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	61
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy	63

định	
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	65
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	66
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	68
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	72
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	73
Phần IV. PHỤ LỤC	74

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		X		
Tiêu chí 1.2		X		
Tiêu chí 1.3				X
Tiêu chí 1.4			X	
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X		
Tiêu chí 1.7			X	
Tiêu chí 1.8		X		
Tiêu chí 1.9			X	
Tiêu chí 1.10			X	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1				X
Tiêu chí 2.2			X	
Tiêu chí 2.3			X	
Tiêu chí 2.4		X		
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3			X	
Tiêu chí 3.4			X	

Tiêu chí 3.5			X	
Tiêu chí 3.6			X	
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1			X	
Tiêu chí 4.2		X		
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		X		
Tiêu chí 5.2		X		
Tiêu chí 5.3			X	
Tiêu chí 5.4		X		
Tiêu chí 5.5		X		
Tiêu chí 5.6			X	

Kết quả: Đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực

Tên trước đây: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Quận 12

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Cẩm Thúy
Huyện/quận /thị xã / thành phố	12	Điện thoại	028 66883311
Xã / phường/thị trấn	Thới An	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	thcsnguyentrungtruc.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2014	Số điểm trường	1 điểm chính
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
Khối lớp 6	16	12	11	12	17
Khối lớp 7	0	14	11	11	10
Khối lớp 8	0	0	14	11	10
Khối lớp 9	0	0	0	13	10
Cộng	16	26	36	47	47

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2014- 2015	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	08	14	44	44	44	
1	Phòng học	08	14	30	30	30	
a	Phòng kiên cố	06	09	30	30	30	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	02	05	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	0	0	09	09	09	
a	Phòng kiên cố	0	0	09	09	09	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	0	01	05	05	05	
a	Phòng kiên cố	0	01	05	05	05	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	05	05	14	14	14	
1	Phòng kiên cố	03	03	14	14	14	

2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	02	02	0	0	0	
III	Thư viện	0	0	01	01	01	
	Cộng	13	20	59	59	59	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 01 năm 2020

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	0	0	0	02	
Giáo viên	79	60	02	0	16	63	
Nhân viên	12	07	0	0	11	01	
Cộng	94	70	02	0	27	67	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
1	Tổng số giáo viên	26	47	61	79	81
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,63	1,74	1,69	1,68	1,72
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,037	0,040	0,038	0,039	0,037
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	04	04	14	14
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung:

TT	Số liệu	Năm học 2014- 2015	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	685	1187	1590	2012	2210	
	- Nữ	334	557	740	956	1059	
	- Dân tộc thiểu số	08	06	11	14	24	
	- Khối lớp 6	685	539	485	508	821	
	- Khối lớp 7	0	648	501	467	492	
	- Khối lớp 8	0	0	604	485	444	
	- Khối lớp 9	0	0	0	552	453	
2	Tổng số tuyển mới	685	533	429	474	821	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	43	43	44	43	47	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	SL: 685 TL: 100%	SL: 1187 TL: 100%	SL: 1590 TL: 100%	SL: 2012 TL: 100%	SL: 2210 TL: 100%	

	- Nữ	334	557	740	956	1059	
	- Dân tộc thiểu số	08	06	11	14	24	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	Quận: 0 Thành phố: 0	Quận: 0 Thành phố: 0	Quận: 7 Thành phố: 0	Quận: 12 Thành phố: 7	Quận: 10 Thành phố: 16	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	0	0	0	0	0	
	- Nữ	0	0	0	0	0	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2014- 2015	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	38,39%	29,31%	25,97%	30,02%	28,82%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	37,37%	38,56%	35,47%	35,64%	34,98%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	4,97%	8,05%	9,75%	6,27%	7,83%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	92,41%	86,98%	81,01%	85,74%	81,63%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	7,15%	12,08%	17,86%	13,17%	16,88%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0,44%	0,94%	1,13%	0,99%	1,49%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực được thành lập theo Quyết định số: 155/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 12, có nhiệm vụ tiếp nhận giảng dạy và giáo dục học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 trên địa bàn phường Thới An. Trường có tổng diện tích 10.404,11 m²: bao gồm khu vực phòng học, các phòng chức năng, diện tích sân chơi. Trường được xây dựng theo mô hình 01 trệt 02 lầu gồm có 30 phòng học và 09 phòng chức năng, các lớp học đều thoáng mát, yên tĩnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập.

Nhà trường luôn được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Quận ủy - Ủy ban nhân dân Quận 12, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy, chính quyền và nhân dân phường Thới An. Đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên đoàn kết, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Chi bộ Đảng nhà trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ đắc lực cho mọi hoạt động của nhà trường. Nhà trường luôn nâng cao ý thức, phát huy vai trò tham mưu với cấp ủy chính quyền địa phương đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, các ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ về mọi mặt, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình trong việc phối hợp với nhà trường giáo dục học sinh.

Trong quá trình hình thành và phát triển, với những việc làm năng động, sáng tạo và đầy trách nhiệm, nhiều năm liền nhà trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

Về mục tiêu, nhà trường phấn đấu xây dựng uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến, phù hợp với xu thế của đất nước và khu vực.

Về sứ mệnh, nhà trường phấn đấu trở thành môi trường học tập nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo.

Trong giai đoạn hiện nay, với xu hướng hội nhập quốc tế, giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng

nhân tài, góp phần vào việc xây dựng một nền kinh tế tri thức. Nhà trường thường xuyên triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, tiếp tục đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục và trình độ đào tạo nhằm tạo bước chuyển biến lớn về chất lượng giáo dục. Với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, đảm bảo các tiêu chí của trường học tiên tiến, hiện đại, hội nhập quốc tế, nhà trường phổ thông cần xác định cụ thể những tiêu chí về chất lượng giáo dục cần đạt. Thực hiện theo quyết định số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 01 năm 2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực đã tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng đơn vị theo quy định. Đây là bước khởi đầu quan trọng để nhà trường định hướng những vấn đề cần thiết trên con đường xây dựng nhà trường tiên tiến chất lượng trên địa bàn của Quận 12.

2. Mục đích tự đánh giá

Xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường, nhìn ra những điểm mạnh, điểm yếu trong công tác quản lý, chỉ đạo của cán bộ quản lý, chất lượng hiệu quả hoạt động từng người, từng bộ phận, đoàn thể. Từ đó, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện nhằm nâng cao và đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, để thông báo công khai với các cơ quan chức năng và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường để từ đó không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá từ tháng 10 năm 2019 và hoàn thành vào cuối tháng 3 năm 2020 theo Thông tư số 18/2018/TT-GDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 15 thành viên, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người; ngoài ra Hội đồng cũng đã huy động sự tham gia của toàn thể cán bộ - giáo viên - nhân viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh và sự hỗ trợ của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, các ban ngành đoàn thể phường Thới An. Tuy nhiên lực lượng nòng cốt vẫn là các thành viên của Hội đồng tự đánh giá. Nhận thức đúng đắn về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác tự đánh giá

nên các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá đã tập trung làm việc để hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng quy định và đúng tiến độ thời gian.

Những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá: báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã trình bày đầy đủ 05 tiêu chuẩn, các tiêu chí và chỉ báo của Mức 1, 2, 3 theo quy định. Mỗi tiêu chí được mô tả hiện trạng rõ ràng, các điểm mạnh, điểm yếu được trình bày theo đúng với thực tế, kế hoạch cải tiến chất lượng với những biện pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện của trường. Với 127 minh chứng được thu thập, sắp xếp, mã hóa khoa học và đúng quy định.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu: Để tổ chức quản lý các hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường, trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực đã xây dựng được cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nhà trường có đủ giáo viên dạy các môn học cơ bản và giáo viên chuyên trách dạy các môn năng khiếu. Các tổ chuyên môn được thành lập và đi vào hoạt động có nề nếp, các tổ trưởng chuyên môn đều là những giáo viên có kinh nghiệm trong việc điều hành công tác nên hoạt động của tổ chuyên môn là nền tảng thúc đẩy và góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Trường tiếp nhận học sinh trong độ tuổi trên địa bàn, có đủ các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9, được biên chế thành 46 lớp (năm học 2019 - 2020), bình quân 47 học sinh một lớp. Thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại các bộ phận thường xuyên, kịp thời, chính xác có tác dụng thúc đẩy, nâng cao chất lượng hiệu quả các hoạt động.

Kiên trì mục tiêu giáo dục toàn diện, coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đạo đức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, chú trọng chất lượng dạy và học, thực hiện đầy đủ các hoạt động chăm sóc sức khỏe, giáo dục thể chất, thẩm mỹ cho học sinh. Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2014 - 2019 và định hướng đến năm 2020.

Tranh thủ sự quan tâm, hỗ trợ của các lực lượng xã hội đóng góp xây dựng phát triển nhà trường. Sử dụng hợp lý các nguồn thu nhằm bổ sung, trang bị nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, quản lý công tác hành chính, phong trào thi đua phục vụ tốt cho các hoạt động phát triển toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, nhà trường đã hoàn thành “Chiến lược phát triển giai đoạn 2014 - 2019 và định hướng đến năm 2020” với sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Nội dung chiến lược phát triển của nhà trường đã thể hiện rõ thực trạng giáo dục, những thành tựu đã đạt được, cơ hội, thách thức, các mục tiêu phát triển giai đoạn 2014 - 2019 và định hướng đến năm 2020; phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở được quy định tại Luật giáo dục (Điều 27 Văn bản hợp nhất Luật giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31 tháng 12 năm 2015) với các nguồn lực nhà trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; giáo dục trung học cơ sở nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học.

Đảm bảo có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, trung cấp học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động. Bên cạnh đó, chiến lược bước đầu phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của phường Thới An, Quận 12 và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01].

b) Chiến lược phát triển đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Chiến lược phát triển đã được thông báo công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh được biết và đã được niêm yết tại phòng Hội đồng, được niêm yết tại bảng thông báo và công bố công khai trên trang Website của nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

Mức 2:

Nhà trường chưa thực hiện được các giải pháp giám sát phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển hiệu quả.

Mức 3:

Chiến lược phát triển của nhà trường triển khai thực hiện nhưng chưa rà soát, bổ sung và điều chỉnh kịp thời đáp ứng nhu cầu thực tế của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển nhà trường đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 phê duyệt, được công khai trong hội đồng sư phạm, niêm yết tại phòng giáo viên và đăng trên website của trường. Chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục của cấp học với các nguồn lực của nhà trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của phường Thới An, quận 12.

3. Điểm yếu

Kế hoạch chiến lược nhà trường được triển khai thực hiện nhưng chưa có kế hoạch rà soát, bổ sung và điều chỉnh cụ thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019 - 2024, trình Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 phê duyệt. Đồng thời, nhà trường công khai niêm yết tại website thcsnguyentrungtruc.hcm.edu.vn, các

phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Nhà trường tổ chức sơ kết theo định kỳ, rút ra những ưu điểm và hạn chế trên cơ sở các ý kiến góp ý để bổ sung và điều chỉnh nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao, chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo Điều 20 Thông tư số 12/2011/TT-BGD ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.2-01]. Nhà trường còn thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng [H1-1.2-02]; Hội đồng tuyển sinh lớp 6 [H1-1.2-03]; Hội đồng xét duyệt [H1-1.2-04]; Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm [H1-1.2-05]; Hội đồng xét tốt nghiệp được thành lập theo quy định [H1-1.2-06].

b) Các hội đồng trong nhà trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quyết định thành lập: Hội đồng thi đua, khen thưởng chịu trách nhiệm về công tác chấm thi đua, khen thưởng cho tập thể nhà trường [H1-1.2-02]; Hội đồng tuyển sinh lớp 6 chỉ được thành lập vào tháng 6 hằng năm để phục vụ công tác tuyển sinh lớp 6 [H1-1.2-03]; Hội đồng xét duyệt có nhiệm vụ thực hiện công tác xét duyệt kết quả kiểm tra ở cuối mỗi học kỳ và sau khi có kết quả kiểm tra lại ở mỗi năm học [H1-1.2-04]; Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm thực hiện việc chấm các sáng kiến kinh nghiệm của cán bộ, giáo viên và nhân viên trường [H1-1.2-05]; Hội đồng xét

tốt nghiệp được thành lập để xét tốt nghiệp cho học sinh hoàn thành chương trình bậc trung học cơ sở hằng năm [H1-1.2-06].

c) Các hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường có định kỳ rà soát, đánh giá nên hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08]; [H1-1.2-09].

Mức 2:

Các hội đồng hoạt động tích cực góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-08]. Tuy nhiên, hoạt động của hội đồng trường chưa đạt hiệu quả trong công tác thay đổi, cải tạo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh.

2. Điểm mạnh

Các hội đồng nhà trường được thành lập theo quy định, thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá kịp thời.

3. Điểm yếu

Hoạt động của Hội đồng trường chưa đạt hiệu quả nhằm đáp ứng đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ dạy và học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020 và các năm học tiếp theo, các hội đồng nhà trường tiếp tục thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá kịp thời. Hiệu trưởng tư vấn cho Hội đồng trường xây dựng các đề xuất bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đạt hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định: Công đoàn trường có 94 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn lao động quận 12 [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 32 đoàn viên trực thuộc Đoàn phường Thới An, quận 12 [H1-1.3-02]. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh với 2204 đội viên trực thuộc Hội đồng Đội quận 12 [H1-1.3-03];

b) Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động theo Điều lệ trường trung học. Các đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ và vai trò; đồng thời tư vấn cho hiệu trưởng xây dựng và nâng cao các hoạt động của nhà trường thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

c) Sau mỗi học kỳ, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đều thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động của mình theo quy định chung [H1-1.1-02].

Mức 2:

a) Chi bộ trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định trực thuộc Đảng ủy phường Thới An. Cấp ủy chi bộ gồm 03 đồng chí: bí thư, phó bí thư và chi ủy viên. Tính đến tháng 12 năm 2019 số lượng đảng viên trong chi bộ trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực là

15 đồng chí trong đó có 14 đồng chí là đảng viên chính thức và 01 đồng chí là đảng viên dự bị [H1-1.3-07].

Trong 05 năm từ 2015 đến 2019, chi bộ trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10].

Năm 2015: Trong sạch vững mạnh

Năm 2016: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Năm 2017: Trong sạch vững mạnh

Năm 2018: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Năm 2019: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

b) Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các đoàn thể có đóng góp trong các hoạt động của nhà trường; công tác bồi dưỡng, tạo nguồn để giới thiệu đoàn viên ưu tú cho chi bộ còn hạn chế về số lượng [H1-1.3-08].

Mức 3:

a) Trong 05 năm từ 2015 đến 2019, chi bộ trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực được đánh giá thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10].

Năm 2015: Trong sạch vững mạnh

Năm 2016: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Năm 2017: Trong sạch vững mạnh

Năm 2018: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Năm 2019: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

b) Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường như Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đều có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Tuy nhiên, các hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chưa có ảnh hưởng sâu rộng trong cộng đồng [H1-1.3-11].

2. Điểm mạnh

Các tổ chức hoạt động theo đúng quy định thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình, thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, tư vấn cho hiệu trưởng thực hiện.

3. Điểm yếu

Các hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chưa có ảnh hưởng sâu rộng trong cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 – 2020 và những năm tiếp theo, Ban chấp hành Chi đoàn có kế hoạch phân công nhiệm vụ cụ thể để từng đoàn viên sắp xếp thời gian tham gia tích cực các hoạt động thanh niên và đạt hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Cán bộ quản lý nhà trường gồm ba thành viên: 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng theo Quyết định bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12 đảm bảo đạt các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác. Hiệu trưởng vào ngành công tác năm 1991, có kinh nghiệm quản lý 06 năm; 01 phó hiệu trưởng quản lý hoạt động chuyên môn vào*

ngành công tác năm 1998, kinh nghiệm quản lý 05 năm và 01 phó hiệu trưởng vào ngành năm 2001, có kinh nghiệm quản lý 04 năm [H1-1.4-01].

b) Nhà trường có tám tổ chuyên môn: tổ Toán, tổ Ngữ văn, tổ Tiếng anh, tổ Vật lý – Hóa học, tổ Lịch sử - Giáo dục công dân, tổ Sinh học – Địa lý, tổ Thể dục – Âm nhạc – Mỹ thuật, tổ Công nghệ – Tin học và một tổ Văn phòng được cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 16 và 17 Điều lệ trường trung học. Hiệu trưởng ra quyết định phân công tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và tổ văn phòng [H1-1.4-02].

c) Tám tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều hoạt động theo đúng kế hoạch đã xây dựng ở từng năm học [H1-1.4-03]. Việc thực hiện nhiệm vụ của từng tổ đã đáp ứng theo đúng Điều 16 và 17 Điều lệ trường trung học đảm bảo phục vụ tốt cho công tác giảng dạy, giáo dục, sinh hoạt và học tập của nhà trường; các tổ tiến hành họp sinh hoạt định kỳ ít nhất hai tuần một lần [H1-1.4-04] và thực hiện các kế hoạch, chế độ sinh hoạt, báo cáo theo đúng quy định [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

Mức 2:

a) Trong mỗi năm học, các tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện hai chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục như: nội dung đổi mới phương pháp giảng dạy đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trong tình hình mới, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém...[H1-1.4-06].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thực hiện kiểm tra hoạt động định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh theo kế hoạch kiểm tra công tác nội bộ nhà trường theo năm học [H1-1.4-05].

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, các hoạt động chuyên môn còn chưa mạnh về công tác chủ động đề ra các kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém [H1-1.1-02].

b) Tổ chuyên môn tuy có thực hiện các chuyên đề chuyên môn để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhưng tỉ lệ học sinh yếu, kém còn cao [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý được cơ cấu phù hợp với yêu cầu thực tế của đơn vị, phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực sư phạm của từng người. Có cán bộ quản lý nhiều năm công tác trong ngành, nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà trường bậc trung học cơ sở.

Mọi hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều được cán bộ quản lý định kỳ kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh kịp thời.

3. Điểm yếu

Tổ chuyên môn tuy có thực hiện các chuyên đề chuyên môn để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhưng tỉ lệ học sinh yếu, kém còn cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng trực tiếp góp ý và điều chỉnh các kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém cho phù hợp và đạt hiệu quả hơn: tăng cường công tác kiểm tra dạy phụ đạo; mời cha mẹ học sinh có con học yếu, kém đến trao đổi để cùng nhà trường kiểm tra việc học tập của học sinh tại nhà; chỉ đạo giáo viên bộ môn có học sinh yếu, kém lập kế hoạch giúp đỡ từng học sinh và tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến học yếu, kém để có thể phụ đạo kịp thời và đạt hiệu quả cao.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đủ các lớp của cấp học từ lớp 6 đến lớp 9. Năm học 2019 – 2020, trường có 46 lớp. Trong đó, khối 6: 11 lớp; khối 7: 16 lớp; khối 8: 10 lớp; khối 9: 09 lớp [H1-1.5-01].

b) Mỗi lớp có 01 lớp trưởng và 02 lớp phó do tập thể lớp bầu vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp chia thành 04 đến 06 tổ, mỗi tổ có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó do học sinh trong tổ bầu ra vào đầu năm học [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Các tuần đầu năm học, giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh cách thức sinh hoạt tự quản, tự chủ: tự chăm sóc lớp học, biết bảo vệ tài sản trường lớp, tự quản trật tự, các em biết cách nêu ý kiến xây dựng lớp.... từ đó học sinh biết chủ động tổ chức và tham gia quản lý các nội dung sinh hoạt, học tập của lớp [H1-1.5-02].

Mức 2:

Do số lượng học sinh tăng hằng năm rất cao, phần lớn là học sinh có tạm trú tại phường Thới An nên trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực trong 05 năm học 2014 - 2015, 2015 - 2016, 2016 - 2017, 2017 - 2018, 2018 - 2019 đã không đảm bảo đúng quy định theo Điều 15 Điều lệ trường trung học:

Năm học 2014 - 2015: có 16 lớp.

Năm học 2015 - 2016: có 27 lớp.

Năm học 2016 - 2017: có 36 lớp.

Năm học 2017 - 2018: có 47 lớp.

Năm học 2018 - 2019: có 47 lớp.

Sĩ số học sinh trong lớp là 47 học sinh.

Mức 3:

Trường không đạt theo quy định Điều 15 Điều lệ trường trung học:

Năm học 2017 - 2018: có 47 lớp.

Năm học 2018 - 2019: có 47 lớp.

Sĩ số học sinh trong lớp là 47 học sinh.

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức các khối lớp, các lớp của nhà trường đảm bảo đúng quy định, yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lớp học của nhà trường hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Học sinh tham gia tự quản mọi hoạt động của lớp. Các em biết điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp với quy định của nhà trường, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, mạnh dạn góp ý, xây dựng, giúp đỡ bạn bè để nâng cao chất lượng sinh hoạt, học tập của trường lớp.

3. Điểm yếu

Sĩ số học sinh ở các lớp vượt quá quy định 40 học sinh một lớp. Số lớp vượt quá quy định 45 lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 – 2020, Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường thực hiện tham mưu với Đảng ủy phường Thới An, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 có kế hoạch quy hoạch mạng lưới trường lớp và phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, nhằm đảm bảo số lớp và sĩ số học sinh trên mỗi lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực có đầy đủ hệ thống các văn bản quy định về công tác: quản lý tài chính, quản lý tài sản và quản lý lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định. Đảm bảo thực hiện các văn bản hiện hành về quản lý tài chính, tài sản liên quan đến hoạt động tài chính, sổ công văn đi, đến và hồ sơ lưu trữ các văn bản, sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục, các báo cáo của nhà trường có nội dung đánh giá về quản lý tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ hằng năm của nhà trường [H1-1.6-01].

b) Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định và được công khai bằng các hình thức trên bảng tin của giáo viên, trong các buổi họp hội đồng sư phạm... Trong một năm, nhà trường đều thực hiện tự kiểm tra tài chính, tài sản 03 lần: đầu năm học, cuối học kỳ I và cuối học kỳ II. Quy chế chi tiêu nội bộ được cập nhật và bổ sung theo thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-02].

c) Cán bộ quản lý và tập thể nhà trường đã thực hiện quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08].

Mức 2:

a) Với số lượng giáo viên là 79 và học sinh là 2204 (năm học 2019 - 2020), nhà trường cũng gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý. Vì vậy, hiệu trưởng đã chỉ đạo các bộ phận ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản: quản lý tài chính trên phần mềm IMAS 11; phần mềm quản lý cán bộ công chức: cbcc.hochiminh.gov.vn; quản lý điểm của học sinh trên phần mềm Quản lý thông tin giáo dục: c2.hcm.edu.vn [H1-1.6-04].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-06].

Mức 3:

Trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Công tác quản lý tài chính, tài sản nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước.

3. Điểm yếu

Trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2019 - 2020, Hiệu trưởng cùng với kế toán tiếp tục xây dựng kế hoạch, ngắn, trung và dài hạn, tích cực tham mưu các cấp, vận động tạo nguồn thu hợp pháp phù hợp với tình hình thực tế của trường và địa phương góp phần tích cực nâng cao hiệu quả giáo dục.

5 Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, hiệu trưởng thực hiện xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03].

b) Hằng năm, nhà trường đều tiếp nhận thêm giáo viên trẻ mới ra trường, còn thiếu kinh nghiệm trong giảng dạy và chủ nhiệm nên chưa đạt

hiệu quả cao trong công tác. Do đó, hiệu trưởng khi thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn có sự chuẩn bị chu đáo rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.7-01].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác: được phân công đúng chuyên ngành đào tạo, được đảm bảo các chính sách về tiền lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tiền trợ cấp, được nghỉ phép, nghỉ ốm... theo đúng quy định. Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều được tạo điều kiện tham gia học tập nâng cao trình độ: có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và hơn 80% có trình độ đại học trở lên, 100% giáo viên có trình độ A tin học trở lên và không có giáo viên bị xếp loại không đạt yêu cầu [H1-1.1-02]; [H1-1.7-02].

Mức 2:

Nhà trường đã xây dựng thành công các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường: quan tâm chăm lo đến đời sống của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; tất cả thành viên trong trường đều có cơ hội học tập nâng cao trình độ như nhau; được tham gia đủ các buổi tập huấn chuyên môn; được động viên, hỗ trợ và được phát huy thế mạnh sở trường của bản thân nên luôn được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H1-1.7-02]. Tuy nhiên, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ bổ sung đôi lúc chưa kịp thời.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, được phân công đúng chuyên môn đào tạo.

Hầu hết giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, trách nhiệm, nhiệt tình, đoàn kết, hỗ trợ nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Nhà trường rất quan tâm, tạo điều kiện để giáo viên học tập nâng cao trình độ, có nhiều biện pháp tích cực trong việc bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên.

3. Điểm yếu

Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ bổ sung đôi lúc chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng rút kinh nghiệm bổ sung kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên kịp thời và chỉ định giáo viên tham gia học các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn đúng thời gian quy định.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác chăm lo chu đáo đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ, tạo điều kiện cho tập thể yên tâm trong công tác.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có kế hoạch hoạt động giáo dục theo đúng quy định. Các kế hoạch này đã được cấp trên quản lý phê duyệt và phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện thực tế của nhà trường: do số học sinh đông và số phòng học hạn chế không cho phép nhà trường tổ chức học hai buổi cho toàn thể các khối lớp [H1-1.8-01].

b) Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục cụ thể, chi tiết thực hiện nghiêm túc theo công văn hướng dẫn giảng dạy, phân phối chương trình của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo; giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục cả năm học. Tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng cắt xén hoặc dồn ép chương trình [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03] [H1-1.8-04]]; [H1-1.8-05]; [H1-1.8-06].

c) Nhà trường thực hiện kiểm tra, rà soát đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục làm 4 đợt: giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II, cuối năm học

[H1-1.8-02], [H1-1.8-05]. Từ đó, cán bộ quản lý chỉ đạo thực hiện điều chỉnh, bổ sung kịp thời đối với các môn theo đúng chương trình [H1-1.8-03].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt hiệu quả. Tuy nhiên các hoạt động trải nghiệm sáng tạo được thực hiện trên một số ít học sinh chưa nhân rộng đại trà. Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa được thực hiện. Trường tổ chức lớp học một buổi, đồng thời tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định [H1-1.8-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường nghiên cứu, nắm vững và thực hiện nghiêm túc quy định về thời gian dạy học theo Chỉ thị và phương hướng nhiệm vụ năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Cán bộ, giáo viên nghiêm túc thực hiện sự chỉ đạo của các cấp và các quy định của nhà trường về kế hoạch giáo dục.

Công tác kiểm tra của cán bộ quản lý và các tổ trưởng chuyên môn được tiến hành thường xuyên, có nhận xét, rút kinh nghiệm kịp thời đối với giáo viên.

3. Điểm yếu

Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo được thực hiện trên một số ít học sinh chưa nhân rộng đại trà. Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 - 2020, nhà trường thực hiện đẩy mạnh tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo và hoạt động các câu lạc bộ khoa học, nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường trong các buổi họp tổ công đoàn, họp hội đồng sư phạm [H1-1.9-01]. Các tổ chức, đoàn thể và các cá nhân thực hiện đúng các quy định trong Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.9-02]. Quy chế dân chủ trong nhà trường được thông qua trong Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hằng năm [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

b) Đảm bảo tốt việc thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường, các khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của cha mẹ học sinh. Các kiến nghị của tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng giải quyết đúng pháp luật, thỏa đáng [H1-1.9-05]; [H1-1.9-06].

c) Ban chấp hành Công đoàn báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở cho Công đoàn ngành giáo dục và Liên đoàn lao động Quận 12 theo quy định [H1-1.9-05].

Mức 2:

Ban chấp hành Công đoàn cơ sở đảm bảo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở công khai, minh bạch, hiệu quả. Ban thanh tra nhân dân thực hiện đúng cơ chế giám sát nhưng chưa có nhiều biện pháp giám sát mới, linh hoạt [H1-1.9-06].

2. Điểm mạnh

Tập thể nhà trường luôn chấp hành đúng, đầy đủ và đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường nhiều năm qua.

3. Điểm yếu

Ban thanh tra nhân dân chưa có nhiều biện pháp giám sát mới, linh hoạt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện và phát huy kết quả đạt được và đảm bảo thực hiện chế độ báo cáo quá trình thực hiện quy chế dân chủ theo quy định.

Từ năm học 2019 - 2020, Ban thanh tra nhân dân xây dựng các biện pháp giám sát linh hoạt, mới để tăng cường cơ chế giám sát hiệu quả, tích cực hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực thực hiện xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; vệ sinh an toàn

thực phẩm [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-04]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-05]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-06]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-07]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-08]. Các phương án này được phổ biến rộng rãi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

b) Trường có 04 hộp thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; các hộp thư này được gắn ở các địa điểm thuận lợi cho người góp ý. Để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, hiệu trưởng trực tiếp kiểm tra việc thực hiện của phó hiệu trưởng quản lý cơ sở vật chất, tổ bảo vệ, nhân viên y tế về tình hình an toàn điện nước, phòng chống cháy nổ, vệ sinh phòng chống dịch bệnh.... để nhắc nhở và khắc phục kịp thời, không để xảy ra tai nạn, thương tích trong nhà trường [H1-1.10-09].

c) Nhà trường thực hiện tốt giáo dục kỹ năng sống, bình đẳng giới, bạo lực học đường trong các giờ học, các tiết hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chủ nhiệm hoặc qua các hoạt động ngoại khóa khác nên không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực học đường [H1-1.10-08].

Mức 2:

a) Hằng năm, hiệu trưởng tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên kiến thức về phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Các hình thức phổ biến đa dạng: mời báo cáo viên; niêm yết các kế hoạch trên bảng tin của giáo viên, trên cổng thông tin điện tử của nhà trường. Cán bộ quản lý, nhân viên y tế và bảo vệ tham dự đầy đủ các lớp tập huấn về vệ sinh an toàn thực phẩm, tập huấn về công tác đảm bảo an toàn trật tự an ninh trong trường học [H1-1.10-05].

b) Xây dựng cụ thể các phương án đảm bảo an toàn, an ninh trật tự cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường. Nhà trường không có hiện tượng bạo lực [H1-1.10-02]; [H1-1.10-05]. Tuy nhiên, vẫn tồn tại việc học sinh xích mích, ganh ghét nhau và nói xấu nhau trên mạng xã hội.

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng đã tổ chức chặt chẽ, khoa học và làm tốt công tác rút kinh nghiệm để phối hợp tốt các lực lượng trong và ngoài nhà trường giữ gìn đảm bảo trật tự an ninh, không để xảy ra tình huống xấu. Cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh của trường có ý thức tự giác tích cực góp phần đảm bảo tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn trong nhà trường.

Các lực lượng phụ trách công tác đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực đều được tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức, tập huấn kỹ năng thực hiện nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Tồn tại việc học sinh xích mích, ganh ghét nhau và nói xấu nhau trên mạng xã hội.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng tăng cường giáo dục ý thức chấp hành nội quy trường lớp, pháp luật cho học sinh. Tiếp tục phối hợp tốt với chính quyền địa phương trong việc giữ gìn an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong nhà trường.

Tổ chức các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống cho học sinh như: “Văn hóa sử dụng mạng xã hội”, “Lợi và hại khi dùng mạng xã hội” để hướng các em hoàn thiện lối sống.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Các tổ chức hoạt động theo đúng quy định, thực hiện đúng nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Đội ngũ giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn cao; được phân công đúng chuyên môn được đào tạo.

Nhà trường nghiên cứu, nắm vững và thực hiện nghiêm túc quy định về thời gian dạy học theo Chỉ thị và phương hướng nhiệm vụ năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo. Cán bộ, giáo viên nghiêm túc thực hiện sự chỉ đạo của các cấp và các quy định của nhà trường về kế hoạch thời gian dạy học.

Nhà trường luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương, công an và Ban bảo vệ dân phố phường Thới An trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự xã hội trong và ngoài nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Kế hoạch chiến lược nhà trường được triển khai thực hiện nhưng chưa có kế hoạch rà soát, bổ sung và điều chỉnh cụ thể.

Hoạt động của Hội đồng trường chưa đạt hiệu quả trong các kiến nghị nhằm đáp ứng đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ dạy và học.

Trường không đạt theo yêu cầu của cấp học về tổng số lớp vượt quá 45 và số học sinh từng lớp trên 40 em.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu: Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên là lực lượng chủ yếu giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu và kế hoạch đào tạo, là người có ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành công hay thất bại của nhà trường. Vì vậy, việc chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo là nhiệm vụ trọng tâm, là ưu tiên hàng đầu trong công tác quản lý của trường trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

a) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều đạt tiêu chuẩn theo quy định theo Điều lệ trường trung học: có trình độ đại học về công tác chuyên môn nhưng chưa tham gia học lớp cao học, số năm công tác trong ngành giáo dục đều từ 16 năm trở lên (Hiệu trưởng 29 năm, 01 phó hiệu trưởng quản lý hoạt động chuyên môn 22 năm và 01 phó hiệu trưởng quản lý cơ sở vật chất 19 năm) [H1-1.4-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp, Hiệu trưởng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12 đánh giá xuất sắc [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có trình độ đào tạo trên chuẩn, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H2-2.1-02].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức xuất sắc [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

b) Cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định: có bằng Trung cấp chính trị, tham gia học bồi dưỡng chính trị hệ hàng năm; cán bộ quản lý là đảng viên thường xuyên được Đảng ủy phường Thới An bồi dưỡng kiến thức chính trị. Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được giáo viên, nhân viên tín nhiệm cao [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12 đánh giá xuất sắc và phó hiệu trưởng được hiệu trưởng đánh giá xuất sắc [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được cơ cấu phù hợp với yêu cầu thực tế của đơn vị, phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực sư phạm.

Cán bộ quản lý có trình độ đào tạo trên chuẩn, được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng chưa tham gia lớp cao học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12, Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc tổ chức các lớp nâng cao trình độ chuyên môn cao học cho cán bộ quản lý. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch học cao học theo từng lộ trình để đảm bảo cán bộ quản lý đều đi học nhưng không ảnh hưởng đến công tác chung của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó

khả năng có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

a) Trường có 79 giáo viên (năm học 2019 - 2020) đảm bảo cho việc thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H2-2.2-01].

b) 100% giáo viên của trường đạt chuẩn trình độ theo quy định Điều lệ trường trung học [H2-2.2-02].

c) Trường có 80/80 giáo viên (năm học 2018 – 2019) đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: trong đó mức tốt 64/80 giáo viên, mức khá 12/80 giáo viên, mức đạt 04/80 giáo viên [H2-2.2-02].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

c) Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-02]; [H2-2.2-03].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có hơn 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường chưa có giáo viên báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

Giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định.

Đảm bảo các quyền, lợi ích cho giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có giáo viên báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 – 2020, cán bộ quản lý và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thường xuyên tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch chuyên môn từng năm học để giáo viên tham gia và được báo cáo kết quả các công trình nghiên cứu khoa học trong toàn đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ nhân viên phụ trách các mảng hoạt động như: kế toán, y tế kiêm thủ quỹ, thư viện, văn thư kiêm học vụ, thiết bị, nhân viên công nghệ thông tin do giáo viên kiêm nhiệm, bảo vệ và phục vụ theo đúng biên chế và theo quy định Thông tư liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định

mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.3-01].

b) Nhân viên được phân công công việc phù hợp theo năng lực và đúng chuyên môn: nhân viên kế toán có bằng đại học kế toán thực hiện các nhiệm vụ tài chính; nhân viên y tế kiêm thủ quỹ có bằng trung cấp y sỹ thực hiện nhiệm vụ thu tiền, chi gửi tiền mặt; thường xuyên tuyên truyền, giáo dục học sinh cách phòng tránh các dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm của căn tin ...; nhân viên thư viện quản lý hoạt động của thư viện, nhân viên thiết bị quản lý các hoạt động của phòng thiết bị; nhân viên văn thư thực hiện công tác văn thư và quản lý học vụ. Trường có 03 nhân viên bảo vệ và 03 nhân viên phục vụ hợp đồng trường thực hiện nhiệm vụ hiệu trưởng phân công [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

c) 100% nhân viên của trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được Hiệu trưởng phân công [H2-2.3-02].

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có nhân viên bị kỷ luật [H1-1.2-09].

Mức 3:

a) Chưa có đủ số lượng nhân viên đạt 100% trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, nhân viên được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

2. Điểm mạnh

100% nhân viên của trường được phân công công việc phù hợp với năng lực và đúng chuyên môn đáp ứng được vị trí việc làm.

3. Điểm yếu

Trường chưa có nhân viên công nghệ thông tin và nhân viên thủ quỹ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân Quận 12 xin tuyển nhân viên công nghệ thông tin và nhân viên thủ quỹ để đảm bảo số lượng và cơ cấu theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đảm bảo thực hiện tuyển sinh lớp 6 theo kế hoạch phân tuyến của Ủy ban nhân dân Quận 12, tiếp nhận tất cả trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn phường Thới An vào học tại trường đúng quy định của Điều lệ trường trung học [H2-2.4-01]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-03].

b) Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định về các hành vi học sinh không được làm theo Điều 38 và Điều 41 của Điều lệ trường trung học. Nhà trường xây dựng nội quy học sinh, quy định rõ các yêu cầu nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của học sinh trong nhà trường và những hành vi học sinh không được làm, theo đúng các quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành khác [H2-2.4-02]; [H1-1.5-02]; [H1-1.1-02].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền của mình theo quy định tại Điều 39, Điều lệ trường trung học: được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao, được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường ... và các quy định khác của pháp luật [H1-1.1-02]; [H1-1.5-02].

Mức 2:

Học sinh ngoan, lễ phép, kính trọng thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; tự giác thực hiện tốt nội quy nhà trường. Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên vẫn còn học sinh vi phạm tác phong, đi học trễ [H1-1.1-02].

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập như học sinh giỏi cấp trường, cấp thành phố, học sinh đạt giải trong các kỳ tham gia phong trào cấp quận, cấp thành phố được nhà trường tuyên dương nhưng mức độ ảnh hưởng trong tập thể chưa cao [H1-1.1-02]; [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý cùng các lực lượng trong nhà trường thường xuyên giáo dục, nhắc nhở học sinh thực hiện tốt các quy định.

Học sinh được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định, an tâm học tập, sinh hoạt, phát triển toàn diện.

3. Điểm yếu

Trường còn học sinh vi phạm tác phong, đi học trễ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 - 2020 và các năm học sau, hiệu trưởng theo dõi và chỉ đạo sự hợp tác giữa các tổ chức Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và cha mẹ học sinh tăng cường giáo dục đạo đức, đảm bảo các quyền của học sinh theo quy định.

Hiệu trưởng chỉ đạo chặt chẽ việc đánh giá hạnh kiểm học sinh song song với kết quả học tập của các em.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tay nghề, hầu hết có ý thức tự học, tự rèn nâng cao trình độ về mọi mặt, có ý thức phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tập thể nhà trường luôn giữ gìn đoàn kết nội bộ, trung thực, thẳng thắn, chân thành trong quan hệ, xây dựng bầu không khí tâm lý, sư phạm, thân thiện trong nhà trường.

Đa số học sinh chăm ngoan, lễ phép, có ý thức tự giác trong học tập, thực hiện tốt các quy định của nhà trường, các quy định đối với học sinh được nêu trong Điều lệ trường trung học và thực hiện tốt những quy định của pháp luật.

Điểm yếu cơ bản:

Trường chưa có nhân viên công nghệ thông tin và nhân viên thủ quỹ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo các quy định hiện hành của các cơ quan thẩm quyền. Yêu cầu về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đối với đơn vị trường học hiện nay bao gồm: khuôn viên nhà trường phải đảm bảo sự riêng biệt với tường bao, có cổng trường, biển trường và phải đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp. Ngoài ra, cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng đủ theo yêu cầu của chương trình đổi mới, việc nối kết internet phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, học tập của nhà trường.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học

được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục đúng qui định tại điểm a, khoản 1, Điều 43 và Điều 5 của Điều lệ trường trung học [H3-3.1-01].

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường rào bao quanh [H3-3.1-02].

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H1-1.6-01].

Mức 2:

Diện tích trường là 10.404,11m²/2210 học sinh, đạt 4,7m²/học sinh.

Khu sân chơi, bãi tập với diện tích 1993m² chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh toàn trường.

Mức 3:

Hiện tại trường đạt được diện tích 4,7m²/học sinh chưa đáp ứng được diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích nhỏ, chỉ chiếm 19,15% tổng diện tích sử dụng của trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có hệ thống tường bao quanh, hệ thống cấp thoát nước, nhà vệ sinh sạch sẽ đảm bảo đủ để học sinh, giáo viên yên tâm giảng dạy và học tập.

Xây dựng được môi trường xanh - sạch - đẹp, có nhân viên phụ trách trồng và chăm sóc cây xanh. Giáo viên và học sinh có ý thức trồng, bảo vệ và chăm sóc cây xanh.

3. Điểm yếu

Hiện tại trường đạt được diện tích 4,7m²/học sinh chưa đáp ứng được diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích nhỏ, chỉ chiếm 19,15% tổng diện tích sử dụng của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường thường xuyên nâng cấp mảng xanh ngày một đa dạng, phong phú, tạo cảnh quan tươi mới cho học sinh học tập và sinh hoạt.

Từ năm học 2019 - 2020, đề xuất lãnh đạo điều phối tuyển sinh đầu cấp trên địa bàn quận nhằm giảm sĩ số học sinh, để nhà trường đủ điều kiện mở rộng diện tích hoạt động của học sinh theo quy định chung của cấp học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Phòng học bộ môn được thiết kế đủ ánh sáng, bàn ghế, diện tích, an toàn tối đa cho học sinh; phòng thực hành môn Vật lý, môn Hóa học, môn Sinh học, môn Công nghệ, phòng Âm nhạc, phòng Mỹ thuật [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]. Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra hoạt động của các phòng học bộ môn nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh [H3-3.2-03].

c) Phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống theo quy định [H3-3.2-02].

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định. Nhà trường có học sinh khuyết tật về vận động, trí tuệ, nhìn, nghe học hòa nhập nhưng chưa có phòng học dành riêng cho các em [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Tuy nhiên, nhà trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra hoạt động của các phòng học bộ môn nhằm đảm bảo an toàn, không xảy ra tai nạn cho học sinh khi tham gia học tập các khối phòng này.

3. Điểm yếu

Chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh khuyết tật hòa nhập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2019 – 2020 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng phân công cụ thể giáo viên phụ trách phòng học bộ môn thường xuyên kiểm tra trang thiết bị nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh khi tham gia học tập các khối phòng này. Hiệu trưởng thực hiện tham mưu đề xuất cấp trên tăng cường bổ sung trang thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu thực tế giảng dạy cho số lớp của đơn vị, xây dựng hoặc cải tạo phòng học dành cho học sinh khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ phòng đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng Hội đồng giáo viên, 01 phòng Công đoàn, 01 phòng Bảo vệ, 03 phòng nghỉ, 01 phòng Y tế, 01 phòng Tài vụ, 01 phòng Kế toán, 02 kho [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]. Các phòng hành chính được bố trí gần cổng trường tạo thuận lợi trong việc liên hệ công tác.

b) Có khu vực để xe riêng cho giáo viên và học sinh trong khuôn viên trường, đảm bảo trật tự, an toàn, vệ sinh [H3-3.2-02].

c) Định kỳ, thường xuyên thực hiện kế hoạch kiểm tra, sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị theo quy định [H3-3.3-01].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị của trường được xây dựng theo quy định [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường nhưng chưa được sắp xếp hợp lý, khoa học. Nhà trường có kho lưu trữ hồ sơ riêng biệt.

2. Điểm mạnh

Khu hành chính - quản trị của nhà trường được bố trí tập trung và liên kết gần cổng trường tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành và sự liên hệ công tác của cha mẹ học sinh với nhà trường được tiện lợi.

3. Điểm yếu

Việc sắp xếp các thiết bị còn chưa hợp lý, khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục đảm bảo đầy đủ các thiết bị cho khối hành chính - quản trị của trường, định kỳ thực hiện kiểm tra, sửa chữa, bổ sung thiết bị.

Đầu năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng cơ sở vật chất hướng dẫn bộ phận thiết bị sắp xếp các thiết bị cho hợp lý, khoa học và định kỳ hằng quý kiểm tra. Đồng thời, báo cáo cho hiệu trưởng kết quả thực hiện để nhắc nhở và chấn chỉnh kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khuôn viên nhà trường có khu vệ sinh riêng biệt nam và nữ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Thiết kế vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có hệ thống thoát nước cho tất cả khu vực và đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-02]. Đảm bảo nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và nước uống cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-03].

c) Hằng năm, nhà trường ký hợp đồng thu gom rác và thực hiện xử lý rác thải theo quy định của Bộ Y tế. Thực hiện phân loại rác thải theo quy định [H3-3.4-02].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định. Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học [H3-3.4-03].

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GDĐT và Bộ Y tế; có thùng đựng và phân loại rác thải; có hệ thống thu gom và xử lý rác thải của phòng y tế [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

Nhà trường bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời trong cơ sở giáo dục; các phương tiện, dụng cụ này phải thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Khu tập trung rác thải chưa cách ly hẳn với sân chơi bãi tập của học sinh [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khu vệ sinh riêng biệt nam và nữ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh.

Nhà trường có hệ thống thoát nước cho tất cả khu vực và đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu

Khu tập kết rác thải chưa cách ly hẳn với sân chơi bãi tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020, nhà trường lắp đặt hàng rào cây xanh; làm mái che hoặc hàng rào để cách ly khu tập kết rác với khu sân chơi bãi tập.

5. Tự đánh giá : Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng quan tâm đầu tư mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học đầy đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.3-01]; [H3-3.1-03].

b) Nhà trường có đầy đủ thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định của Thông tư số 19/2009/TT-BGDĐT ngày 11/8/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở [H3-3.3-01]. Hằng năm, giáo viên nhà trường đều có thực hiện tự làm đồ dùng dạy học [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

c) Hằng năm cá nhân phụ trách công tác thiết bị thực hiện kiểm kê tài sản vào cuối tháng 5 và cuối tháng 12 để đề xuất sửa chữa, bổ sung [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Cán bộ quản lý kiểm tra thường xuyên và cho khắc phục kịp thời các sự cố kết nối Internet [H3-3.2-01].

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định. Giáo viên phụ trách thiết bị thường xuyên giới thiệu danh mục trang thiết bị và đồ dùng dạy học các bộ môn với giáo viên. Giáo viên tham gia tự làm đồ dùng dạy học nhưng số lượng còn ít [H3-3.5-02].

c) Hằng năm hoặc đột xuất đề nghị sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu sử dụng của giáo viên và học sinh [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-06]; [H3-3.5-07].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng kiểm tra thường xuyên và khắc phục kịp thời các sự cố kết nối Internet để phục tốt công tác quản lý, hoạt động dạy học trong nhà trường.

Giáo viên của trường thường xuyên sử dụng trang thiết bị và đồ dùng dạy học trong các tiết dạy.

3. Điểm yếu

Thiết bị dạy học của giáo viên tự làm còn ít, chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 - 2020, phó hiệu trưởng chuyên môn tham mưu hiệu trưởng nghiên cứu thực hiện sử dụng và thiết kế thiết bị dạy học tự làm đưa vào khai thác, sử dụng hiệu quả ở các môn học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01].

b) Thư viện có kế hoạch phục vụ đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Đầu năm học và cuối mỗi học kỳ, nhà trường đều tiến hành rà soát [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

c) Hằng năm, thư viện đều được kiểm kê, từ đó xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung sách, báo, truyện, tài liệu tham khảo phục vụ cho dạy, học và nhu cầu đọc của thầy cô giáo, học sinh [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

Mức 2:

Hiệu trưởng theo dõi, quản lý và kịp thời chấn chỉnh các hoạt động của thư viện, giúp thư viện của nhà trường không ngừng nâng cao kết quả [H3-3.6-04]:

Năm học 2014 - 2015: chưa đánh giá

Năm học 2015 - 2016: chưa đánh giá

Năm học 2016 - 2017: chưa đánh giá

Năm học 2017 - 2018: Đạt chuẩn.

Năm học 2018 - 2019: Tiên tiến.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt kết quả [H3-3.6-04]:

Năm học 2014 - 2015: chưa đánh giá

Năm học 2015 - 2016: chưa đánh giá

Năm học 2016 - 2017: chưa đánh giá

Năm học 2017 - 2018: Đạt chuẩn.

Năm học 2018 - 2019: Tiên tiến.

Hệ thống máy tính của thư viện có 02 máy được kết nối Internet, chưa đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

2. Điểm mạnh

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Hiệu trưởng nhà trường liên tục theo dõi, quản lý và kịp thời chấn chỉnh các hoạt động thư viện, giúp thư viện trường không ngừng vươn lên.

3. Điểm yếu

Số lượng máy tính còn ít so với nhu cầu thực tế của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng lập kế hoạch mua sắm bổ sung máy tính phục vụ cho bạn đọc tại thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có khuôn viên riêng biệt, có hệ thống tường bao quanh, hệ thống cấp thoát nước, nhà vệ sinh sạch sẽ đảm bảo đủ để học sinh, giáo viên yên tâm giảng dạy và học tập.

Nhà trường có đầy đủ khu sân chơi, khu để xe, khu vệ sinh dành riêng cho giáo viên và học sinh. Tất cả đều bố trí hợp lý, sạch, đẹp.

Điểm yếu cơ bản:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả.

Hệ thống máy tính của thư viện còn ít 02 máy.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực luôn chú trọng công tác xã hội hoá giáo dục, xây dựng được mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục. Nhà trường huy động được các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia đóng góp tinh thần, vật chất cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nhà trường từ những ngày đầu thành lập đến nay.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban đại diện cha mẹ học sinh có 09 thành viên gồm 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 07 ủy viên [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học để đề ra phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp hỗ trợ, phối hợp với nhà trường [H4-4.1-02]. Các nội dung, kế hoạch hoạt động đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-03].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 2:

Hiệu trưởng tổ chức họp cha mẹ học sinh toàn trường theo định kỳ 03 lần/năm: đầu năm học, cuối học kỳ I và cuối năm học. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh và hỗ trợ huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp. Ngoài ra, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường và các lớp tham dự đầy đủ các ngày Lễ kỷ niệm, sinh hoạt ngoại khoá của nhà trường và các đoàn thể [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04] .

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp phối hợp chưa hiệu quả với giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn trong hoạt động giáo dục học sinh nên vẫn còn học sinh vi phạm nội quy trường lớp, tác phong, đi học trễ dẫn đến ảnh hưởng xếp loại kết quả xếp loại hạnh kiểm cuối học kỳ, cuối năm học [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và nhà trường được thành lập theo đúng quy định của Điều lệ, trên tinh thần tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc dân chủ, đoàn kết và tôn trọng lẫn nhau. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp phối hợp chưa hiệu quả với giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn trong hoạt động giáo dục học sinh nên vẫn còn học sinh vi phạm nội quy trường lớp, tác phong, đi học trễ dẫn đến ảnh hưởng xếp loại kết quả xếp loại hạnh kiểm cuối học kỳ, cuối năm học

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng thực hiện tư vấn cho Ban đại diện cha mẹ học sinh nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp trong mọi mặt:

việc nâng cao chất lượng giáo dục, đạo đức; tuyên truyền nội quy trường lớp; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục truyền thống...

Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp và các giáo viên bộ môn để giáo dục học sinh không vi phạm nội quy trường lớp, tác phong, đi học trễ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

a) Bí thư Chi bộ, hiệu trưởng luôn chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-05]; [H1-1.3-08]; [H4-4.2-01].

b) Nhà trường có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, các ban ngành đoàn thể phường Thới An trong tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.1-02]; [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

Phối hợp với Phòng tư pháp, công an quận, phường tuyên truyền về phòng chống tội phạm tuổi vị thành niên, Quyền trẻ em; phối hợp với Công an Quận 12 tuyên truyền về thực hiện Luật giao thông; phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng tuyên truyền về Phòng chống HIV/AIDS, phòng chống ma túy [H1-1.1-02]; [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Hiệu trưởng đã làm tốt công tác vận động sự ủng hộ đóng góp trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện từ Ban đại diện cha mẹ học sinh, Chi hội khuyến học và các mạnh thường quân trong hoạt động giáo dục toàn diện nhà trường như xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H4-4.2-03].

Mức 2:

a) Nhà trường chưa tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Liên đội thực hiện chăm sóc di tích lịch sử Chiến khu An Phú Đông trên địa bàn Quận 12 và thăm hỏi mẹ Việt Nam Anh hùng Nguyễn Thị Thiếp khu phố 3, mẹ Lê Thị Sáu là anh hùng lực lượng vũ trang ở khu phố 6, phường Thới An. Tham gia các hoạt động chăm sóc công trình văn hóa cùng địa phương [H4-4.2-01].

Mức 3:

Bí thư Chi bộ, hiệu trưởng chưa tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, các ban ngành đoàn thể phường Thới An trong tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng,

Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Hiệu trưởng phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể trong và ngoài nhà trường tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, tác động sâu sắc đến việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

3. Điểm yếu

Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp chưa có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương còn hạn chế do nhà trường tập trung chính vào công tác chuyên môn. Do ảnh hưởng về mặt thời gian nên các hoạt động hướng đến cộng đồng chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng tiếp tục phối hợp với cấp ủy đảng, chính quyền có chất lượng và hiệu quả trong thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể để xây dựng nhà trường từng bước trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và nhà trường được thành lập theo đúng quy định của Điều lệ, trên tinh thần tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc dân chủ, đoàn kết và tôn trọng lẫn nhau. Ban đại diện cha mẹ học sinh gồm những đại biểu có điều kiện, có khả năng, nhiệt tình và trách nhiệm.

Điểm yếu cơ bản:

Bí thư chi bộ, hiệu trưởng chưa tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu: Nhà trường đã tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục địa phương. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu và phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện cũng được quan tâm đúng mức. Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục kỹ năng sống cũng được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp. Hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề được chú trọng. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp, lên lớp, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến ổn định hằng năm.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*
- c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

- a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*
- b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, căn cứ vào kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học và tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo [H1-1.8-01]; [H1-1.10-01].

b) Ngoài sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, giáo viên của trường vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực như: bàn tay nặn bột, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, chia nhóm,... nên tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo được mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Qua đó, học sinh được bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H1-1.1-02]; [H1-1.4-04]; [H1-1.10-01]; [H3-3.5-06]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

c) Thực hiện đổi mới trong công tác kiểm tra, đánh giá, các hình thức kiểm tra đánh giá học sinh được giáo viên thực hiện đa dạng: từ hình thức truyền thống như kiểm tra vấn đáp, kiểm tra viết, nhà trường tăng cường các hình thức đánh giá học sinh thông qua hoạt động nhóm khi giải quyết bài tập, qua sinh hoạt ở câu lạc bộ, tham gia các hoạt động tập thể hay việc thực hiện các bài tập trong các đợt tham quan hướng nghiệp, tiết học ngoài lớp học, tiết học ngoài nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.8-01]; [H1-1.10-01]; [H1-1.4-04].

Mức 2:

a) Đầu năm học, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch năm học, từ đó chỉ đạo giáo viên căn cứ kế hoạch này để xây dựng kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học cụ thể, chi tiết thực hiện nghiêm túc theo công văn hướng dẫn giảng dạy, phân phối chương trình của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo. Giáo viên thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Trường không để xảy ra hiện tượng cắt xén hoặc dồn ép chương trình [H1-1.1-02]; [H3-3.5-06]; [H1-1.4-04]; [H1-1.8-04].

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu qua phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn qua hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ trong năm học. Xây dựng và thực hiện kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém trong học tập, học sinh khuyết tật hòa nhập để kịp thời rèn luyện, điều chỉnh quá trình học tập đáp ứng yêu cầu của các môn học theo chương trình và kế hoạch triển khai [H1-1.8-01]; [H1-1.4-06]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh qua các kỳ sơ kết, tổng kết của năm học [H1-1.2-02]. Tuy nhiên, số lượng học sinh giỏi đạt cấp thành phố chưa cao.

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện giảng dạy đúng và đầy đủ các bộ môn theo quy định. Tổ chức kiểm tra đánh giá và phân loại đúng năng lực của học sinh.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh giỏi cấp thành phố chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2019 - 2020, Phó hiệu trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, đề ra cụ thể các chỉ tiêu và các giải pháp nhằm nâng cao số lượng học sinh giỏi cấp thành phố.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, kế hoạch giáo dục năm học chung của nhà trường, kế hoạch từng môn học thể hiện cụ thể việc giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật trong học tập và rèn luyện, học sinh có năng khiếu chuyên môn, thể dục thể thao để nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả học tập của học sinh thuộc từng nhóm đối tượng [H1-1.8-01]; [H1-1.10-01]; [H4-4.2-01].

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo từng môn học, tổ chuyên môn. Phát huy các câu lạc bộ, đội nhóm năng khiếu giúp học sinh tiến bộ trong quá trình học tập [H1-1.8-01]; [H1-1.10-01]; [H4-4.2-01]; [H4-4.2-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.4-04].

c) Cuối học kỳ, cuối năm học thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện qua các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-02]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H1-1.5-02]; [H1-1.4-04].

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. Tuy nhiên, trường có sĩ số học sinh trên lớp cao nên gặp khó khăn trong việc tăng cường rèn luyện nhóm học sinh khó khăn về học tập và đối tượng học sinh hòa nhập khuyết tật [H1-1.5-02].

Mức 3:

Theo báo cáo cuối từng năm học, nhà trường có học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố các môn học và trong phong trào thể dục thể thao còn ít so với tổng số học sinh toàn trường [H5-5.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch cụ thể đối với việc giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật trong học tập và rèn luyện, phát triển học sinh có năng khiếu chuyên môn, thể dục thể thao. Từ đó, nhà trường đã đạt được nhiều thành tích cao về học tập, thể dục thể thao, văn nghệ.

3. Điểm yếu

Trường có sĩ số đông nên việc tăng cường rèn luyện nhóm học sinh khó khăn về học tập và đối tượng học sinh hòa nhập khuyết tật còn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng tham mưu lãnh đạo giảm sĩ số học sinh từng lớp theo quy định. Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn xây dựng và tổ chức các hoạt động chuyên môn, báo cáo chuyên đề dành riêng cho các nhóm học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, học sinh khuyết tật, học sinh có năng khiếu để nâng cao hiệu quả giáo dục cho các nhóm đối tượng học sinh này.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương của các môn: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Công nghệ, Âm nhạc, Thể dục, Mĩ thuật cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch. Hiệu trưởng thường xuyên phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, Hội đồng giáo dục phường Thới An có kế hoạch và triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục trên địa bàn phường trong nhiều năm qua, đảm bảo nội dung giảng dạy theo quy định [H5-5.3-01].

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương trong các môn học được giáo viên đánh giá khách quan và mang lại hiệu quả. Giáo viên bộ môn thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục địa phương vào việc giảng dạy của từng môn học, lựa chọn bài học vận dụng thực tế với tình hình giảng dạy tại đơn vị [H1-1.8-01]; [H1-1.10-01].

c) Hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương phù hợp thực tế [H1-1.8-01]; [H1-1.10-01]; [H1-1.4-04].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu các môn học: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Công nghệ, Âm nhạc, Thể dục, Mĩ thuật. Tuy nhiên nội dung giáo dục địa phương còn mang tính lý thuyết học sinh chưa được tham quan nhiều các hoạt động thực tiễn để nâng cao hiệu quả giáo dục [H5-5.3-02]; [H1-1.10-01]; [H1-1.4-04]; [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Nội dung giáo dục địa phương được thực hiện đúng theo quy định. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương trong các môn học được giáo viên đánh giá khách quan và mang lại hiệu quả.

3. Điểm yếu

Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định nhưng còn mang tính lý thuyết, học sinh chưa được tham quan nhiều các hoạt động thực tiễn để nâng cao hiệu quả giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 – 2020 và những năm tiếp theo, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch thường xuyên tổ chức tham quan ngoại khóa kết hợp với các hoạt động chuyên môn, để giáo dục học sinh hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;*
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;*
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;*
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, tổ chức dạy nghề phổ thông theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch [H5-5.4-01]; [H5-5.4-03].
- c) Hiệu trưởng phân công, huy động giáo viên, nhân viên tham gia các hoạt động trải nghiệm như cùng trồng rau sạch, thiết kế mô hình khoa học, trang trí tranh... và tham gia các hoạt động hướng nghiệp: nghe tư vấn hướng nghiệp, tham quan hướng nghiệp với học sinh trong từng hoạt động cụ thể, để hướng dẫn, định hướng khi cần thiết [H5-5.4-01]; [H5-5.4-04].

Mức 2:

- a) Hằng năm, nhà trường định hướng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trên cơ sở đáp ứng nhu cầu thực tế của các môn học và xu hướng phát triển nghề nghiệp phù hợp với học sinh bậc học [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-04].

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhưng công tác tổ chức hoạt động trải nghiệm chưa phong phú [H5-5.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch học nghề phổ thông, hướng nghiệp, các hoạt động trải nghiệm phù hợp với các văn bản hướng dẫn của các cấp và tình hình thực tiễn địa phương, nhà trường.

Trường có đủ giáo viên phụ trách dạy nghề phổ thông được đào tạo chính quy, có trình độ chuyên môn vững vàng, nhiệt tình, trách nhiệm, giảng dạy có hiệu quả.

3. Điểm yếu

Hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 – 2020 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng thực hiện chỉ đạo tăng cường tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong và ngoài nhà trường. Các hình thức tổ chức dạy học trải nghiệm, hướng nghiệp đa dạng và phong phú nhằm thu hút học sinh tích cực tham gia và đạt hiệu quả giáo dục cao.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh trong từng năm học [H5-5.5-01]. Việc hình thành, phát triển các kỹ năng sống của học sinh thể hiện ở các môn học và trong công tác của giáo viên chủ nhiệm [H1-1.5-02]; [H5-5.5-03].

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật của học sinh được chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động chuyên môn, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các tiết chào cờ, truyền thông, các tiết sinh hoạt chủ nhiệm... [H1-1.1-02]; [H1-1.8-01]; [H1-1.10-01].

c) Qua các chương trình, nội dung giáo dục kỹ năng sống, học sinh có đạo đức và lối sống tốt hơn. Nâng cao hiểu biết về pháp luật, về phong tục tập quán, nề nếp, lối sống sinh hoạt mang đậm truyền thống Việt Nam trong xu hướng hội nhập quốc tế [H1-1.8-01]; [H1-1.10-01]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

Mức 2:

a) Học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện sau mỗi bài học hoặc chương trình mà chính bản thân các em được trải nghiệm [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Thông qua các quá trình giáo dục kỹ năng sống, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước được hình thành. Tuy nhiên, kỹ năng thực hành của học sinh áp dụng chưa có hiệu quả vào thực tế cuộc sống.

Mức 3:

Bước đầu, số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ theo sự hướng dẫn, định hướng của giáo viên phụ trách còn ít.

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống vào chương trình giáo dục hằng năm.

Tổ chức các hoạt động thường xuyên trong năm học tạo điều kiện cho học sinh tham gia, cùng giáo viên bộ môn thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học.

Thực hiện giáo dục kỹ năng sống là trách nhiệm của tất cả các bộ phận trong nhà trường, có sự phối hợp với địa phương và cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Do số lượng học sinh đông, học sinh học một buổi nên một số hoạt động giáo dục kỹ năng chưa có đủ thời gian sắp xếp cho học sinh tham gia 100%. Kỹ năng nghiên cứu khoa học của học sinh chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng sắp xếp giảng dạy lồng ghép kỹ năng sống vào môn học và phối hợp với các trung tâm dạy học kỹ năng sống để giảng dạy học sinh theo chương trình cụ thể của từng khối lớp. Tổ chức các câu lạc bộ hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học có sự hướng dẫn của giáo viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã thực hiện quy trình đánh giá xếp loại hạnh kiểm của học sinh trong từng học kỳ và cả năm học theo quyết định số 58/2011/TT-BGDĐT, ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường tổ chức hướng dẫn giáo viên nghiên cứu các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo về việc xếp loại hạnh kiểm học sinh vào Hội nghị chuyên môn đầu năm và trong các buổi sinh hoạt cuối mỗi học kỳ. Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Hằng năm nhà trường có tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm khá - tốt trên 90%. Đánh giá kết quả hằng năm, tỷ lệ học sinh có học lực xếp loại khá trên 30 % đảm bảo quy định. Nhiều năm liền, tổng hợp kết quả đánh giá nhà trường có tỷ lệ học sinh giỏi đạt trên 25% [H1-1.1-02], [H5-5.6-01].

Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	38,39%	29,31%	25,97%	30,02%	28,82%
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	37,37%	38,56%	35,47%	35,64%	34,98%
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	4,97%	8,05%	9,75%	6,27%	7,83%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	92,41%	86,98%	81,01%	85,74%	81,63%

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	7,15%	12,08%	17,86%	13,17%	16,88%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0,44%	0,94%	1,13%	0,99%	1,49%

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường từ 97% trở lên [H1-1.1-02].

Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp bậc học	0	0	0	522/522 (100%)	453/453 (100%)

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đảm bảo theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.1-02].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H1-1.1-02].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H1-1.1-02].

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có nhiều tiến bộ đáng kể tuy số học sinh tăng lên hằng năm [H1-1.1-02].

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban còn cao [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý nhà trường đã chỉ đạo, quản lý, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện nhập điểm, xếp loại học lực của học sinh theo đúng quy định của thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT, ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo viên chủ nhiệm các lớp tổ chức nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời các sai sót.

Việc xếp loại học lực học sinh được công khai thuận lợi cho giáo viên chủ nhiệm, học sinh và cha mẹ học sinh theo dõi, cập nhật và được thông báo kịp thời đến gia đình học sinh bằng sổ liên lạc.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ học sinh yếu kém còn cao (trên 5%).

Tỉ lệ học sinh nghỉ học cao hơn tỉ lệ quy định.

Tỉ lệ học sinh lưu ban cao hơn tỉ lệ quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 - 2020, hiệu trưởng tăng cường xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh, giao nhiệm vụ rèn luyện học sinh cho giáo viên để nâng cao chất lượng học tập, đặc biệt tăng cường công tác phối hợp với cha mẹ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trong học tập. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tìm hiểu hoàn cảnh để động viên giúp đỡ học sinh.

Phó hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên các bộ môn nắm bắt tình hình học tập của các học sinh yếu kém; tổ chức lớp củng cố kiến thức cho học sinh tiếp thu chậm vào sáng thứ bảy hàng tuần.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Hoạt động dạy và học của nhà trường được thực hiện có nền nếp, đảm bảo nội dung chương trình và kế hoạch thời gian năm học theo quy định. Việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá được thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của ngành. Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và ý thức vệ sinh môi trường được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả. Kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực hằng năm của học sinh đáp ứng mục tiêu giáo dục.

Điểm yếu cơ bản:

Trường có sĩ số đông nên việc tăng cường rèn luyện nhóm học sinh khó khăn về học tập và đối tượng học sinh hòa nhập khuyết tật còn chưa cao. Tỷ lệ học sinh lưu ban còn cao hơn 2% so với quy định.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực được hoàn thành phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đề ra chiến lược phát triển, xác định tầm nhìn, đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động của nhà trường.

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực đối chiếu với tổng số 28 tiêu chí trong 5 tiêu chuẩn theo quy định ở Mức 1, 2 và 3 thông qua những nội dung thẩm định của báo cáo tự đánh giá, nghiêm túc đánh giá những kết quả đạt được của nhà trường như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 tỉ lệ: 100%.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 00/28 tỉ lệ: 00%.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 13/28 tỉ lệ: 46,4%.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 15/28 tỉ lệ: 53,6%.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 02/20 tỉ lệ: 10%.
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 18/20 tỉ lệ: 90%.
- Mức đánh giá của Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực: **Mức 1;**

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1./.

Quận 12, ngày 10 tháng 02 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Cẩm Thúy

Phần IV. PHỤ LỤC

BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được phê duyệt.	Năm 2014-2019 Năm 2019-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường về định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, của ngành.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Đảng ủy phường Thới An	Bí thư chi bộ
	4	[H1-1.1-04]	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về các chỉ tiêu phát triển, định hướng của địa phương, của ngành.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hội đồng nhân dân phường Thới An	Bí thư chi bộ

	5	[H1-1.1-05]	Sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.1-06]	Đường dẫn truy cập vào Cổng thông tin điện tử trường trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường.	Năm học 2014-2019 Năm học 2020-2024	Ủy ban nhân dân quận 12	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập hội đồng thi đua, khen thưởng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh lớp 6.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập hội đồng xét duyệt.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	5	[H1-1.2-05]	Quyết định thành lập hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.2-06]	Quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	7	[H1-1.2-07]	Biên bản họp của các hội đồng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	8	[H1-1.2-08]	Các biên bản có liên quan về việc kiểm tra của các cơ quan chức năng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Cơ quan kiểm tra	Văn thư
	9	[H1-1.2-09]	Hồ sơ thi đua năm học.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Ban Chấp hành Công đoàn trường	Chủ tịch Công đoàn

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định về việc thành lập Công đoàn nhà trường.	Nhiệm kỳ 2014-2017 Nhiệm kỳ 2017-2022	Ban Thường vụ Công đoàn giáo dục Quận	Chủ tịch Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định thành lập Chi đoàn thanh niên.	Nhiệm kỳ 2014-2016 Nhiệm kỳ 2016-2019	Ban Chấp hành Đoàn Phường	Bí thư Chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định thành lập Đội Thiếu niên.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.3-04]	Kế hoạch hoạt động của Công đoàn.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.3-05]	Kế hoạch hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.3-06]	Kế hoạch hoạt động của Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	7	[H1-1.3-07]	Quyết định thành lập tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của nhà trường và quyết định chuẩn y, công nhận ban chấp hành, chi ủy, bí thư, phó bí thư.	Nhiệm kỳ 2015-2017 Nhiệm kỳ 2017-2020	Đảng ủy phường Thới An	Bí thư Chi bộ
	8	[H1-1.3-08]	Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết năm của chi bộ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Chi bộ Đảng	Bí thư Chi bộ
	9	[H1-1.3-09]	Kết quả đánh giá chi bộ hằng năm của Đảng ủy phường Thới An.	Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018	Bí thư Chi bộ	Bí thư Chi bộ
	10	[H1-1.3-10]	Quyết định của đảng ủy cấp trên công nhận chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.	Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018	Bí thư Chi bộ	Bí thư Chi bộ
	11	[H1-1.3-11]	Bằng khen, giấy khen của các tổ chức, đoàn thể.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Đảng ủy phường Thới An, Đoàn phường Thới An, Hội đồng	Bí thư Chi bộ Bí thư Chi đoàn Tổng phụ trách Chủ tịch Công

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Đội Quận 12, Liên đoàn Lao động Quận 12	đoàn
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	Số: 863/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 (Hiệu trưởng) Số: 873/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 (Hiệu trưởng) Số: 781/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 (Phó hiệu trưởng) Số: 885/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 (Phó hiệu trưởng)	Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định về việc thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

	4	[H1-1.4-04]	Sổ tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Tổ trưởng các tổ chuyên môn, văn phòng	Phó Hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Biên bản kiểm tra bộ phận.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Tổ trưởng các tổ chuyên môn
	6	[H1-1.4-06]	Các chuyên đề tổ chuyên môn.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	7	[H1-1.4-07]	Hình ảnh thực hiện chuyên đề.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Nhân viên học vụ	Nhân viên học vụ

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Giáo viên chủ nhiệm	Phụ trách văn thư
	3	[H1-1.5-03]	Sổ gọi tên và ghi điểm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Nhân viên học vụ	Nhân viên học vụ
	4	[H1-1.5-04]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Nhân viên văn thư	Phụ trách văn thư
	1	[H1-1.6-01]	Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Nhân viên thiết bị
	2	[H1-1.6-02]	Các biên bản, kết luận, thông báo liên quan của các cấp có	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016	Các cấp có thẩm quyền	Nhân viên thiết bị

Tiêu chí 1.6			thẩm quyền.	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	3	[H1-1.6-03]	Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.6-04]	Phần mềm quản lý thu chi tài chính.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Kế toán	Nhân viên kế toán
	5	[H1-1.6-05]	Sổ quản lý tài chính.	Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018	Hiệu trưởng	Nhân viên kế toán
	6	[H1-1.6-06]	Biên bản kiểm tra hoặc kết luận của cấp trên về việc thanh tra, kiểm toán,...) có đánh giá về các nội dung có liên quan tài chính.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Cơ quan kiểm tra	Nhân viên kế toán

	7	[H1-1.6-07]	Các tờ trình, đề án, văn bản đề nghị của nhà trường với cấp có thẩm quyền tạo nguồn tài chính cho nhà trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Nhân viên kế toán
	8	[H1-1.6-08]	Kế hoạch xây dựng các nguồn tài chính hợp pháp.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Nhân viên kế toán
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên hằng năm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Lịch báo giảng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	[H1-1.8-03]	Thời khóa biểu.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	4	[H1-1.8-04]	Sổ đầu bài.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	5	[H1-1.8-05]	Biên bản kiểm tra đánh giá kế hoạch giáo dục.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2018-2019		
	6	[H1-1.8-06]	Bảng phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên hằng năm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	7	[H1-1.8-07]	Kế hoạch dạy thêm – học thêm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Báo cáo công tác công đoàn.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Ban chấp hành công đoàn	Nhân viên văn thư
	2	[H1-1.9-02]	Biên bản Hội nghị cán bộ, viên chức hằng năm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Ban chấp hành công đoàn	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.9-03]	Quy chế tổ chức và hoạt động nhà trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	4	[H1-1.9-04]	Quy chế dân chủ cơ sở.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.9-05]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Kế toán
	6	[H1-1.9-06]	Báo cáo của ban thanh tra nhân dân.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Ban thanh tra nhân dân	Hiệu trưởng
	1	[H1-1.10-01]	Kế hoạch năm học.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Kế hoạch an toàn trường học.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí 1.10				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch an toàn vệ sinh thực phẩm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.10-04]	Kế hoạch phòng chống tai nạn, thương tích.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.10-05]	Kế hoạch an toàn phòng chống cháy nổ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.10-06]	Kế hoạch phòng, chống thảm họa, thiên tai.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	7	[H1-1.10-07]	Kế hoạch phòng chống dịch bệnh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	8	[H1-1.10-08]	Kế hoạch phòng chống bạo lực trong nhà trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	9	[H1-1.10-09]	Hình ảnh tuyên truyền phòng chống bạo lực, tai nạn thương tích.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Kết quả đánh giá, xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hằng năm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12	Ban chấp hành công đoàn
	2	[H2-2.1-02]	Hồ sơ công chức, viên chức, nhân viên.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Ban chấp hành công đoàn
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Danh sách thống kê tình hình đội ngũ hằng năm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	2	[H2-2.2-02]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H2-2.2-03]	Thống kê trình độ đào tạo.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Hồ sơ quản lý nhân viên.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H2-2.3-02]	Báo cáo đánh giá nhân viên hằng năm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Kế hoạch tuyển sinh lớp 6.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	2	[H2-2.4-02]	Nội quy học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H2-2.4-03]	Quyết định khen thưởng học sinh có thành tích cao trong học tập.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh khuôn viên trường.	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Chi đoàn trường	Hiệu trưởng
	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh phòng học, phòng chức năng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Phó hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí 3.2				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	2	[H3-3.2-02]	Sơ đồ nhà trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H3-3.2-03]	Biên bản kiểm kê, kiểm tra tài sản.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Kế hoạch sửa chữa bổ sung thiết bị, tài sản.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh khu vệ sinh, nước uống.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Kế toán	Kế toán
	2	[H3-3.4-02]	Hợp đồng thu gom rác thải và phiếu thu tiền hàng tháng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Kế toán	Kế toán

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng nước uống và nước sinh hoạt.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H3-3.4-04]	Biên bản kiểm tra công tác y tế hằng năm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Các cấp kiểm tra	Nhân viên y tế
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Kế hoạch của bộ phận thiết bị hằng năm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phụ trách thiết bị
	2	[H3-3.5-02]	Thống kê danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học tự làm của nhà trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	[H3-3.5-03]	Biên bản kiểm tra thiết bị định kỳ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Phụ trách thiết bị	Phụ trách thiết bị

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	4	[H3-3.5-04]	Bảng thống kê thiết bị được sửa chữa hằng năm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phụ trách thiết bị	Phụ trách thiết bị
	5	[H3-3.5-05]	Hợp đồng mua sắm các thiết bị hằng năm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Kế toán	Kế toán
	6	[H3-3.5-06]	Sổ dự giờ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	7	[H3-3.5-07]	Hồ sơ kiểm tra QCCM GV.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Sổ tài sản thư viện.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Thư viện	Phó hiệu trưởng

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	2	[H3-3.6-02]	Sổ hoạt động thư viện.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Thư viện	Phó hiệu trưởng
	3	[H3-3.6-03]	Kiểm kê thanh lý tài sản hằng năm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	4	[H3-3.6-04]	Hồ sơ kiểm tra cấp trên về công tác thư viện.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Cấp kiểm tra	Phó hiệu trưởng
	5	[H3-3.6-05]	Kế hoạch và báo cáo công tác thư viện.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Văn bản thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Hiệu trưởng

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Hiệu trưởng
	3	[H4-4.1-03]	Báo cáo hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Hiệu trưởng
	4	[H4-4.1-04]	Các biên bản họp cha mẹ học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ hoạt động đội.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Tổng phụ trách Đội	Hiệu trưởng
	2	[H4-4.2-02]	Kế hoạch hoạt động chi đoàn thanh niên hằng năm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	- Ban chấp hành chi đoàn.	Phó hiệu trưởng

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	3	[H4-4.2-03]	Danh sách vận động tài trợ của cha mẹ học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Thiết bị
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Sáng kiến kinh nghiệm chuyên đề năm học.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Thiết bị
	2	[H5-5.1-02]	Hình ảnh học sinh tự học và làm việc nhóm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Kế toán	Kế toán
	2	[H5-5.2-02]	Danh sách học sinh khuyết tật.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	3	[H5-5.2-03]	Danh sách học sinh đạt thành tích phong trào chuyên môn, thể dục thể thao.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch giảng dạy nội dung giáo dục địa phương.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.3-02]	Hình ảnh học sinh tham quan học tập nội dung giáo dục địa phương.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch dạy học trải nghiệm sáng tạo.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H5-5.4-02]	Kế hoạch dạy nghề phổ thông.	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	3	[H5-5.4-03]	Kế hoạch hướng nghiệp.	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H5-5.4-04]	Hình ảnh hoạt động trải nghiệm, dạy nghề hướng nghiệp	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	5	[H5-5.4-05]	Báo cáo hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch dạy kỹ năng sống.	Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.5-02]	Hình ảnh dạy kỹ năng sống	Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.5-03]	Kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Kết quả thi học sinh giỏi văn hóa thể thao, văn nghệ cấp quận, thành phố.	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phòng Giáo dục và Đào tạo. Ủy ban nhân dân quận.	Phó hiệu trưởng

